

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50 /2012/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh của tỉnh Đồng Nai năm 2013**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Sau khi xem xét Tờ trình số 9234/TTr-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và môi trường năm 2012, dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và môi trường năm 2013; Báo cáo số 9232/BC-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2013; Tờ trình số 9197/TTr-UBND ngày 19/11/2012 của UBND tỉnh về quy định giá các loại đất tỉnh Đồng Nai năm 2013; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với đánh giá của UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012 theo Báo cáo số 9232/BC-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2013 theo Tờ trình số 9234/TTr-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu chung

Phát huy lợi thế, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực, đảm bảo phát triển bền vững. Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo đảm các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội nhằm không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, không ngừng củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

2. Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và môi trường

a) Chỉ tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2013 khoảng 11,5% - 12% so với năm 2012.

- GDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) từ 47,2 - 47,4 triệu đồng, quy đổi từ 2.200 USD đến 2.210 USD.

- Cơ cấu kinh tế năm 2013: ngành công nghiệp xây dựng chiếm 56% - 57%; ngành dịch vụ chiếm 37% - 38%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6% - 7%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 1994) năm 2013 tăng 14% - 14,5% so với năm 2012.

- Giá trị tăng thêm của ngành dịch vụ năm 2013 tăng 14,5% - 15% so với năm 2012.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá cố định 1994) năm 2013 tăng 3,5% - 3,9% so với năm 2012.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ 34.500 tỷ đồng - 35.200 tỷ đồng, chiếm 26,4% - 26,9% GDP.

- Dự kiến thu hút đầu tư nước ngoài từ 800 triệu USD - 1.000 triệu USD (bao gồm đăng ký mới và dự án tăng vốn).

- Dự kiến thu hút vốn đầu tư trong nước từ 8.000 tỷ đồng - 9.000 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp trong nước đăng ký kinh doanh khoảng 8.000 tỷ đồng - 10.000 tỷ đồng (bao gồm đăng ký mới và đăng ký tăng vốn).

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng từ 12% - 15% so với năm 2012.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn hoàn thành dự toán Trung ương giao.

b) Chỉ tiêu về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2013 dưới 1,1%.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 2,54%.

- Tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trên 01 vạn dân là 260 sinh viên.

- Số bác sỹ/01 vạn dân là 6,5 bác sỹ.

- Số giường bệnh trên 01 vạn dân đạt 23,5 giường bệnh.

- Phần đầu 96% trạm y tế có bác sỹ phục vụ ổn định; 40% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm còn 11%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm còn 27%.

- Tạo việc làm mới cho 90 ngàn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 46%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm còn 2% (theo chuẩn nghèo của tỉnh).
 - Năm 2013 đạt 88,8% ấp, khu phố và trên 97% hộ gia đình đạt danh hiệu ấp, khu phố văn hóa, hộ gia đình văn hóa.
 - Phân đấu 97% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.
 - Tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 99%.
- c) Chỉ tiêu về môi trường:
- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đạt 98,6%, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93,8%.
 - Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 72%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 95%.
 - 100% các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường.
 - 100% các khu công nghiệp lấp đầy trên 50% diện tích được đầu tư trạm quan trắc môi trường.
 - Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 55,5%, tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định mức 29,76%.

3. Các giải pháp chủ yếu

a) Tập trung chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ theo hướng tăng dần tỷ trọng phân ngành có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh dựa vào lợi thế so sánh để chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ và các chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp an tâm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, chú trọng tăng cường tuyên truyền về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa để doanh nghiệp tìm hiểu, thực hiện.

- Đối với công nghiệp: Tập trung chuyển đổi cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng giá trị các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, thân thiện môi trường; từng bước chuyển từ gia công, lắp ráp sang chế tạo. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, sản xuất chi tiết máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như cơ khí chế tạo, điện – điện tử, chế biến thực phẩm sạch...

- Đối với nông nghiệp: Tập trung phát triển các vùng rau sạch, vùng cây công nghiệp và vùng cây ăn trái; ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp. Phát triển nông sản hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu như cà phê, cao su, hạt điều nhân.... Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, chuyên môn hóa dưới hình thức trang trại bảo đảm vệ sinh môi trường. Xây dựng thương hiệu đối với sản phẩm nông nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ

ngành nhằm phát triển các ngành nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao vào phát triển sản xuất nông nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết số 200/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh, đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp nhất là trong hoạt động chăn nuôi, kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm, phòng chống dịch bệnh, để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm nông nghiệp phục vụ người tiêu dùng, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán năm 2013.

- Đối với lĩnh vực dịch vụ: Phát triển mạnh và đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm dịch vụ. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, ngành dịch vụ mũi nhọn có lợi thế như dịch vụ vận chuyển, kho bãi, cảng vận, logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng, viễn thông - công nghệ thông tin, dịch vụ khoa học - công nghệ, đào tạo, thương mại.

b) Tập trung thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo bước đột phá phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển bền vững:

- Vận dụng các cơ chế, chính sách đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để không ngừng thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

- Tăng cường thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông cần tập trung đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đối ngoại, đường trục, đường vành đai, đường tỉnh, đường liên kết với cảng, với các tuyến đường cao tốc, Quốc lộ để phục vụ phát triển các KCN, khu du lịch, khu dịch vụ - đô thị nhằm tạo đột phá phát triển kinh tế tỉnh. Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để đầu tư hạ tầng kết nối (đầu tư theo phương thức BOT, PPP).

- Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) có chọn lọc theo hướng ưu tiên thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng, công nghiệp sạch thân thiện với môi trường, lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất chi tiết máy móc thiết bị.

- Đẩy nhanh việc đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phát triển hạ tầng thương mại khu vực nông thôn để tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh có mặt bằng sản xuất, kinh doanh ổn định.

- Rà soát các khó khăn vướng mắc trong triển khai xây dựng các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để có biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện; tập trung thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo hoàn thành đúng thời gian quy định.

c) Tiếp tục thực hiện thu hút, đãi ngộ, đào tạo gắn với việc bố trí, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

- Tiếp tục triển khai quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh giai đoạn

2011 - 2020. Huy động các nguồn lực cho đầu tư giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khuyến khích hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên đào tạo đội ngũ nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, đào tạo lao động cung ứng cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; trong đó chú trọng việc phối hợp, liên kết trong đào tạo. Nâng cao tỷ lệ đào tạo nghề bậc trung cấp, cao đẳng.

- Có chính sách hỗ trợ để thu hút và sử dụng nhân tài, chuyên gia cao cấp, nhân lực trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực còn đang thiếu, đến làm việc ở tỉnh được ưu đãi.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khoa học và công nghệ. Coi trọng việc tập hợp và phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ.

d) Chú trọng giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội:

- Tập trung đầu tư xây dựng các khu tái định cư, khu nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp.

- Tăng cường kiểm tra kiểm soát thị trường, chống đầu cơ găm hàng, nâng giá, sản xuất buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm nhất là các mặt hàng trong diện bình ổn giá, các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng lãng phí, kết hợp với thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Tăng cường hoạt động kiểm tra công vụ của cơ quan hành chính Nhà nước ở các cấp.

- Tăng cường các biện pháp đấu tranh và phòng ngừa trong công tác phòng chống tội phạm, xử lý nghiêm các loại tội phạm, các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông, vi phạm pháp luật lao động, vi phạm về đất đai...

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các chương trình mục tiêu quốc gia về lĩnh vực văn hóa xã hội.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc như giải quyết việc làm, giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, đặc biệt quan tâm đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tập trung nguồn lực hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường lớp và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012 trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung giải pháp thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Xây dựng và hoàn thiện đề án phát triển giáo dục mầm non đến năm

2015 và năm 2020.

- Triển khai thực hiện hiệu quả chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- củng cố, duy trì và phát triển Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo.

đ) Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức, trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện dự án tổng thể về bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 gắn kết với dự án ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến 2020; Kế hoạch 05 năm (2011 - 2015) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung tăng cường giám sát, quan trắc các nguồn thải; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp; áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án xử lý chất thải nhằm giảm thiểu tác động cộng hưởng của xâm nhập mặn và ô nhiễm môi trường đối với vùng bảo hộ vệ sinh cấp nước sinh hoạt trên lưu vực sông Đồng Nai.

- Tập trung bảo vệ môi trường tại các khu vực trọng điểm ở đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng và kiểm soát môi trường góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Đẩy nhanh việc xử lý các bãi rác sinh hoạt lộ thiên đang tồn tại nhằm hạn chế việc gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Nhất trí thông qua nội dung Tờ trình số 9197/TTr-UBND ngày 19/11/2012 của UBND tỉnh về quy định giá các loại đất tỉnh Đồng Nai năm 2013, công bố thực hiện từ 01/01/2013 trên địa bàn (có Tờ trình của UBND tỉnh kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; định kỳ có đánh giá, kiểm điểm quá trình thực hiện và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện quy định giá các loại đất tỉnh Đồng Nai năm 2013, UBND tỉnh phải có giải pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện việc thuê đất, giao đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp đảm bảo công bằng cho các nhà đầu tư. Đồng thời kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính cho phép tỉnh Đồng Nai tiếp tục giữ mức giá hiện hành đối với một số khu vực tại thành phố Biên Hòa có mức giá cao hơn khung giá đất của Chính phủ ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động các tổ chức và nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan chức năng theo đúng quy định pháp luật.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 06/12/2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh (để đăng công báo);
- Báo Đồng Nai, LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Trần Văn Tư